

Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (HASECO)

# BẢN TIN SÁNG

Ngày 06.05.2026



# 1. VĨ MÔ THẾ GIỚI

## Mỹ khẳng định lệnh ngừng bắn với Iran vẫn được duy trì bất chấp giao tranh; UAE bị tấn công

Tóm tắt các thông tin quan trọng:

- Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ cho biết lệnh ngừng bắn chưa kết thúc.
- UAE cho biết họ đang phải đối mặt với các cuộc tấn công bằng tên lửa và máy bay không người lái trong ngày thứ hai liên tiếp.
- Iran cảnh báo các hãng vận chuyển hàng hóa nên tuân thủ các tuyến đường của nước này.
- Ông Trump nói Tehran muốn hòa bình.

### HASECO đánh giá:

Rủi ro địa chính trị tại Hormuz tiếp tục leo thang dù lệnh ngừng bắn vẫn tồn tại trên danh nghĩa. Việc Mỹ phải trực tiếp hỗ trợ tàu cho thấy mức độ gián đoạn thực tế đã vượt ngưỡng bình thường. Thị trường vừa kết thúc mùa công bố KQKD quý 1 và bước vào vùng trung thông tin. Các thông tin về chiến sự có thể quay trở lại và ảnh hưởng đến tâm lý thị trường. Tuy nhiên, nhà đầu tư đã có 2 tháng làm quen với sự bất định từ chiến sự nói chung và giá dầu nói riêng. Chúng tôi cho rằng, chỉ khi giá dầu vượt ra khỏi vùng 90–120 USD/thùng, thị trường mới bắt đầu phản ứng rõ rệt.



Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Pete Hegseth tổ chức cuộc họp báo về chiến tranh Iran với Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, Tướng Dan Caine (không có trong ảnh), tại Lầu Năm Góc ở Washington, DC, Hoa Kỳ, ngày 5 tháng 5 năm 2026. Ảnh: REUTERS



# 2. VĨ MÔ TRONG NƯỚC

## Liên danh THACO – Hòa Phát đề xuất dự án sông Hồng 28.5 tỷ USD, hoán đổi 5,073ha đất đối ứng

Liên danh gồm Công ty cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh, THACO và Hòa Phát đề xuất đầu tư dự án Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng theo hình thức PPP (hợp đồng BT), với tổng vốn khoảng 714,256 tỷ đồng, khoảng 28.5 tỷ USD.

Phương án tài chính đáng chú ý là cơ chế hoán đổi quỹ đất đối ứng với tổng diện tích hơn 5,073ha. Trong đó, khoảng 2,800ha nằm trong phạm vi dự án có giá trị sơ bộ 420,950 tỷ đồng, thấp hơn đáng kể so với tổng mức đầu tư, tạo ra chênh lệch khoảng 293,300 tỷ đồng. Để bù đắp, liên danh đề xuất bổ sung thêm khoảng 2,265ha đất ngoài phạm vi dự án tại các khu vực ngoại thành Hà Nội.

Dự án có quy mô nghiên cứu khoảng 11,481ha, trải dài hai bên sông Hồng, bao gồm 17 hợp phần với hai cấu phần chính: trục đại lộ cảnh quan dài khoảng 40km và các khu chức năng đô thị phụ trợ. Ngoài hạ tầng giao thông, dự án tích hợp công viên ven sông, khu đô thị, tái định cư và các công trình chỉnh trị sông.

Tiến độ triển khai dự kiến kéo dài từ 2026–2038, chia thành 3 giai đoạn, trong đó giai đoạn đầu tập trung vào các hạng mục trục cảnh quan chính, công viên và một số khu đô thị trọng điểm. Hiện dự án đang trong giai đoạn thẩm định chủ trương đầu tư.

### HASECO đánh giá:

Quy mô dự án rất lớn nhưng còn ở giai đoạn đề xuất. Điểm đáng chú ý là cấu trúc tài chính phụ thuộc mạnh vào quỹ đất đối ứng, trong đó phần thiếu hụt lớn cần bổ sung ngoài phạm vi dự án - yếu tố có thể ảnh hưởng đến tính khả thi và tiến độ phê duyệt. Triển vọng trung hạn phụ thuộc vào khung pháp lý PPP/BT và khả năng định giá, khai thác quỹ đất. Nếu được thông qua, dự án có thể tạo cú hích lớn cho phát triển đô thị và hạ tầng Hà Nội, đồng thời mở ra dư địa giá trị đất đáng kể cho nhà đầu tư. Rủi ro chính nằm ở quá trình thẩm định kéo dài, thay đổi chính sách đất đai và khả năng cân đối tài chính của các bên tham gia.



Phối cảnh mới nhất của dự án (Ảnh: CĐT)



# 3. CỔ PHIẾU

## Masan High-Tech Materials (UPCoM: MSR) lãi 537 tỷ đồng quý 1, doanh thu 2,993 tỷ đồng tăng 115% nhờ giá APT

CTCP Masan High-Tech Materials (UPCoM: MSR) ghi nhận lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 537 tỷ đồng trong quý 1/2026, đảo chiều so với mức lỗ 222 tỷ đồng cùng kỳ và là mức cao nhất theo quý. Doanh thu đạt 2,993 tỷ đồng, tăng gần 115% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ đóng góp từ sản phẩm APT.

Doanh thu APT đạt 2,445 tỷ đồng, tăng 3.2 lần so với cùng kỳ, phản ánh tác động tích cực từ mặt bằng giá tăng mạnh. Giá APT bình quân trong quý đạt 1,865 USD/mtu và tăng lên 3,150 USD/mtu vào cuối quý 1, tạo động lực trực tiếp cho tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Biên EBITDA đạt 35.1%, tăng 540 điểm cơ bản, nhờ cải thiện hiệu quả vận hành và kiểm soát chi phí.

MSR hiện sở hữu mỏ Núi Pháo và chuỗi giá trị tích hợp, chiếm khoảng 21% nguồn cung vonfram ngoài Trung Quốc, tạo lợi thế trong bối cảnh thị trường toàn cầu thiếu hụt nguồn cung.

### HASECO đánh giá:

Đây là kết quả tích cực nhưng không bất ngờ khi lợi nhuận nằm trong kế hoạch kinh doanh năm 2026 của MSR là 1,700-2,500 tỷ lợi nhuận, tương ứng trung bình 425-625 tỷ đồng mỗi quý. Chúng tôi cho rằng, triển vọng MSR quý 2 tiếp tục tích cực với lợi nhuận có thể cao hơn ở quý 2, trong khi nửa cuối năm được hỗ trợ bởi sản lượng quặng tăng sau khi điều chỉnh giấy phép khai thác lên 28 triệu tấn. Lưu ý trong kịch bản kế hoạch kinh doanh đạt được, định giá MSR vẫn ở mức rất cao với 1 công ty hàng hóa – lợi nhuận bất thường, biến động mạnh theo giá sản phẩm đầu ra.



Mỏ Vonfram Núi Pháo của MSR



# 3. CỔ PHIẾU

## Nam Kim (HOSE: NKG) lãi ròng 22 tỷ đồng, giảm 66% quý 1; doanh thu 3,300 tỷ đồng chịu áp lực nhu cầu yếu

CTCP Thép Nam Kim (HOSE: NKG) ghi nhận kết quả kinh doanh suy giảm trong quý 1/2026 khi doanh thu thuần đạt gần 3,300 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận sau thuế chỉ đạt hơn 22 tỷ đồng, giảm 66%. Diễn biến này phản ánh nhu cầu tiêu thụ yếu và biên lợi nhuận thu hẹp trong bối cảnh ngành tôn mạ chịu áp lực từ các rào cản thương mại gia tăng tại thị trường xuất khẩu.

Một điểm hỗ trợ là doanh thu tài chính tăng gấp đôi lên gần 100 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính và chi phí bán hàng được tiết giảm. Tuy nhiên, mức cải thiện này chưa đủ bù đắp sự suy giảm từ hoạt động cốt lõi.

Theo ban lãnh đạo, kết quả quý 1 còn chịu ảnh hưởng yếu tố mùa vụ do kỳ nghỉ Tết, và kỳ vọng sẽ cải thiện trong quý 2 khi nhu cầu và giá thép phục hồi. Năm 2026, doanh nghiệp đặt kế hoạch doanh thu 22,000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 400 tỷ đồng, tương ứng tăng 49% và 66% so với năm trước.

Động lực chính đến từ việc đưa vào vận hành giai đoạn 1 nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ với công suất 1.3 triệu tấn/năm, hướng tới sản phẩm thép chất lượng cao phục vụ thị trường nội địa, thay thế hàng nhập khẩu trong các ngành công nghiệp.

### HASECO đánh giá:

Kết quả quý 1 tiêu cực, phản ánh rõ áp lực từ nhu cầu yếu và môi trường xuất khẩu bất lợi, trong khi tăng trưởng lợi nhuận chưa đến từ hoạt động cốt lõi. Triển vọng ngắn hạn phụ thuộc vào phục hồi nhu cầu thép và đóng góp từ nhà máy Phú Mỹ, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chuyển hướng sang thị trường nội địa và phân khúc giá trị cao. NKG có thể ghi nhận KQKD tích cực trong quý 2 khi giá tôn trong nước đã tăng 9% so với cuối quý 1. Định giá dưới vốn chủ có thể giúp NKG có nhịp tăng ngắn hạn khi dòng tiền tham gia thị trường khỏe hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM  
 Lô A1, Đường D2, Khu công nghiệp Đồng An 2, P. Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh.  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Kết thúc tại ngày 31/03/2026

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý 1 Năm 2026

| Chỉ tiêu  | Mã số | Thuyết minh | QUY 1             |                   | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này |                   |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|------------------------------------|-------------------|
|   |       |             | Năm Nay           | Năm Trước         | Năm Nay                            | Năm Trước         |
|   |       |             | Đơn vị tính: VND  |                   |                                    |                   |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 01    | VL.1        | 3,277,761,407,436 | 4,108,300,018,473 | 3,277,761,407,436                  | 4,108,300,018,473 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                   | 02    | VL.2        | 16,353,888,299    | 18,150,594,329    | 16,353,888,299                     | 18,150,594,329    |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 10    |             | 3,261,407,519,137 | 4,090,149,514,144 | 3,261,407,519,137                  | 4,090,149,514,144 |
| 4. Giá vốn hàng bán                               | 11    | VL.3        | 3,176,221,063,774 | 3,826,891,735,729 | 3,176,221,063,774                  | 3,826,891,735,729 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 20    |             | 85,186,455,363    | 263,257,778,415   | 85,186,455,363                     | 263,257,778,415   |
| 6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư  | 21    |             |                   |                   |                                    |                   |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính                  | 22    | VL.4        | 96,673,961,232    | 46,589,584,611    | 96,673,961,232                     | 46,589,584,611    |
| 8. Chi phí tài chính                              | 23    | VL.5        | 54,395,666,016    | 64,380,035,657    | 54,395,666,016                     | 64,380,035,657    |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                  | 24    |             | 47,200,134,787    | 56,320,950,674    | 47,200,134,787                     | 56,320,950,674    |
| 9. Chi phí bán hàng                               | 25    | VL.8.1      | 71,294,374,227    | 138,183,055,775   | 71,294,374,227                     | 138,183,055,775   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    | VL.8.2      | 31,043,982,317    | 30,516,696,713    | 31,043,982,317                     | 30,516,696,713    |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 30    |             | 25,126,394,035    | 76,767,574,881    | 25,126,394,035                     | 76,767,574,881    |
| 12. Thu nhập khác                                 | 31    | VL.6        | 145,107,617       | 4,661,416,581     | 145,107,617                        | 4,661,416,581     |
| 13. Chi phí khác                                  | 32    | VL.7        | 18,376,521        | 357,850,064       | 18,376,521                         | 357,850,064       |
| 14. Lợi nhuận khác                                | 40    |             | 86,319,096        | 4,303,566,517     | 86,319,096                         | 4,303,566,517     |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             | 50    |             | 25,183,125,131    | 81,071,141,398    | 25,183,125,131                     | 81,071,141,398    |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                   | 51    | VL.9        | 4,177,243,437     | 16,843,541,511    | 4,177,243,437                      | 16,843,541,511    |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                    | 52    | VL.9        | (456,116,916)     | (1,177,197,734)   | (456,116,916)                      | (1,177,197,734)   |
| 18. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN               | 60    |             | 21,461,998,610    | 65,404,797,621    | 21,461,998,610                     | 65,404,797,621    |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông có quyền kiểm soát | 61    |             | 22,331,993,242    | 65,404,797,621    | 22,331,993,242                     | 65,404,797,621    |
| 19. Lãi er bán trên cổ phiếu                      | 70    |             | (869,994,632)     | -                 | (869,994,632)                      | -                 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                    | 71    |             | -                 | -                 | -                                  | -                 |

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2026  
 Đã kiểm tra theo pháp luật

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*



Nguyễn Ngọc Bảo Châu

Vũ Thị Huyền

Nguyễn Vinh An

Báo cáo KQKD hợp nhất quý 1/2026 của NKG



# 3. CỔ PHIẾU

## Vinamilk (HOSE: VNM) doanh thu quý 1 đạt 16,149 tỷ đồng, tăng 24.6% nhờ nội địa phục hồi và xuất khẩu tăng

CTCP Sữa Việt Nam (HOSE: VNM) ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất quý 1/2026 đạt 16,149 tỷ đồng, tăng 24.6% so với cùng kỳ, trong đó thị trường nội địa đóng vai trò động lực chính. Doanh thu trong nước đạt 12,080 tỷ đồng, tăng 20.4%, phản ánh hiệu quả từ quá trình tái cấu trúc hệ thống phân phối và tái định vị thương hiệu triển khai từ năm 2025.

Các kênh bán hàng chính đều ghi nhận tăng trưởng hai chữ số, với mạng lưới bán lẻ tiếp tục mở rộng khi doanh nghiệp đã hoàn tất tái định vị 800 cửa hàng và đạt mục tiêu đạt 1,000 cửa hàng trong năm 2026.

Ở thị trường nước ngoài, doanh thu đạt 4,069 tỷ đồng, tăng 39.1% so với cùng kỳ, duy trì đà tăng trưởng ổn định bất chấp biến động tại khu vực Trung Đông. Doanh nghiệp đã chủ động điều chỉnh chuỗi cung ứng thông qua các tuyến vận chuyển thay thế và giải pháp đảm bảo an toàn vận tải, dù chi phí logistics gia tăng.

Động lực tăng trưởng còn đến từ danh mục sản phẩm, với sự phục hồi của ngành hàng sữa nước và đóng góp từ các sản phẩm mới như sữa tươi cao đậm, sữa hạt và các dòng dinh dưỡng chuyên biệt. Doanh nghiệp tiếp tục mở rộng danh mục và tối ưu hóa giá trị dinh dưỡng nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới.

### HASECO đánh giá:

Kết quả quý 1 mang tính tích cực, khá bất ngờ với tăng trưởng đến từ cả thị trường nội địa và xuất khẩu, phản ánh sự cải thiện ở hoạt động cốt lõi sau giai đoạn tái cấu trúc. Triển vọng ngắn-trung hạn duy trì ổn định nhờ động lực từ mở rộng hệ thống phân phối, sản phẩm mới và nhu cầu tiêu dùng nội địa phục hồi. Xuất khẩu tiếp tục là điểm tựa tăng trưởng nếu doanh nghiệp duy trì được chuỗi cung ứng trong bối cảnh địa chính trị biến động. Rủi ro chính đến từ chi phí logistics tăng và khả năng gián đoạn tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm.



Ảnh: Quầy trải nghiệm Vinamilk



# 4. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

## 1. Thị trường chung:

VNIndex tiếp tục có phiên tăng điểm, chủ yếu nhờ nhóm cổ phiếu họ Vin. Dù chỉ số đi lên, độ rộng thị trường lại thu hẹp đáng kể khi số mã giảm áp đảo số mã tăng. Chúng tôi đánh giá phần còn lại của thị trường trong phiên hôm nay ghi nhận nhịp rút chân nhẹ, tuy nhiên cần quan sát sự lan tỏa của dòng tiền thay vì trạng thái thanh khoản suy yếu như hiện tại. Nhìn chung, dù tăng điểm nhưng sức mạnh thị trường vẫn chưa được cải thiện, trong khi khối ngoại tiếp tục duy trì bán ròng mạnh.

Điểm tích cực là đã xuất hiện một số cổ phiếu bật tăng nhờ kết quả kinh doanh quý 1 khả quan, đồng thời nhiều nhóm cổ phiếu đang tiếp tục củng cố nền giá. Đây có thể là nền tảng cho các nhịp bùng nổ luân phiên khi dòng tiền quay trở lại thị trường. Kịch bản thị trường:

- Kịch bản 1: VNIndex tích lũy trong vùng 1,750–1,850 điểm, trước khi xuất hiện tín hiệu gia tăng của dòng tiền, xác nhận khả năng vượt 1,900 điểm. Kịch bản này có xác suất cao hơn.
- Kịch bản 2: Thủng vùng 1,750 điểm và điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1,600 điểm. Kịch bản này có xác suất thấp, chúng tôi sẽ cập nhật nếu xuất hiện yếu tố bất lợi mới.

## 2. Nhóm cổ phiếu:

- Thép: HPG đi ngang, tiếp tục củng cố nền giá 28. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ. HSG dù công bố KQKD suy giảm, nhưng hàng tồn kho tăng. Kỳ vọng quý 2 sẽ phản ánh giá tồn tăng vào KQKD.
- Ngân hàng: Một số cổ phiếu ngân hàng nhỏ tiếp tục chịu áp lực bán lớn, giảm về đáy cũ như SHB, ACB, EIB,... trong khi các ngân hàng ở top trên cũng chưa thực sự bứt phá, kể cả VPB có phiên tăng giá mạnh. Chúng tôi tiếp tục theo dõi.
- BĐS: phiên hàng về, các cổ phiếu như PDR, NTL, DPG,... hấp thụ áp lực bán khá tốt, giữ được cây nền tăng giá. Trong khi nhiều cổ phiếu phủ nhận hoàn toàn phiên bật trước đó. Tiêu cực có NVL giảm sàn 2 phiên liên tiếp.
- Khác: GMD, PHP, PVT, BSR, VRE, VPL,... bật tăng cho thấy dòng tiền cũng đang tích cực đi tìm kiếm cơ hội. Đây là tiền đề tốt cho sự luân phiên bùng nổ sau này.

## 3. Chiến lược hành động

- Nắm giữ khi các cổ phiếu vẫn đang ở nền tích lũy hoặc duy trì xu hướng tăng.
- Bổ sung thêm vị thế mới khi sự bùng nổ luân phiên trở lại với các nhóm cổ phiếu dẫn dắt mới hoặc cổ phiếu sẵn có.
- Giảm vị thế nếu đợt tích lũy sóng này bị thất bại, tức xuất hiện thêm các phiên phân phối dày đặc sau đó. Hiện chưa ghi nhận tín hiệu này.



# 5. SỰ KIỆN CỔ PHIẾU THÁNG 5

| STT | Mã CK | Sàn   | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện                               | Loại Sự kiện             |
|-----|-------|-------|------------|------------|----------------|--|--------------------------|
| 1   | TNG   | HNX   | 6/5/2026   | 7/5/2026   | 22/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2   | PTG   | UPCoM | 7/5/2026   | 8/5/2026   | 11/6/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3   | TTC   | HNX   | 7/5/2026   | 8/5/2026   | 20/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4   | NFC   | HNX   | 7/5/2026   | 8/5/2026   | 18/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5   | MTP   | UPCoM | 7/5/2026   | 8/5/2026   | 29/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6   | DNN   | UPCoM | 8/5/2026   | 11/5/2026  | 21/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,300 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7   | SPV   | UPCoM | 8/5/2026   | 11/5/2026  | 12/6/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 8   | PGS   | HNX   | 8/5/2026   | 11/5/2026  | 19/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 9   | PEQ   | UPCoM | 8/5/2026   | 11/5/2026  | 28/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10  | KHD   | UPCoM | 8/5/2026   | 11/5/2026  | 28/05/2026     | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 11  | MAC   | HNX   | 11/5/2026  | 12/5/2026  |                | Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1  | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 12  | TET   | HNX   | 11/5/2026  | 12/5/2026  | 26/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 100 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 13  | FMC   | HOSE  | 11/5/2026  | 12/5/2026  | 20/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 14  | SFN   | HNX   | 11/5/2026  | 12/5/2026  | 12/6/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 15  | GLT   | HNX   | 11/5/2026  | 12/5/2026  | 22/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3,400 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16  | QNU   | UPCoM | 11/5/2026  | 12/5/2026  | 22/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 432 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17  | CPH   | UPCoM | 12/5/2026  | 13/05/2026 | 25/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,022 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18  | INN   | HNX   | 12/5/2026  | 13/05/2026 | 28/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19  | ICG   | HNX   | 13/05/2026 | 14/05/2026 | 1/6/2026       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20  | VSH   | HOSE  | 13/05/2026 | 14/05/2026 | 29/05/2026     | Trả cổ tức đợt 4/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 21  | MA1   | UPCoM | 13/05/2026 | 14/05/2026 | 25/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 22  | HPW   | UPCoM | 13/05/2026 | 14/05/2026 | 28/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 23  | DGW   | HOSE  | 13/05/2026 | 14/05/2026 | 21/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24  | NTH   | HNX   | 13/05/2026 | 14/05/2026 | 29/05/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 25  | VPH   | HOSE  | 14/05/2026 | 15/05/2026 | 22/05/2026     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 26  | VQC   | UPCoM | 14/05/2026 | 15/05/2026 | 1/6/2026       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,400 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 27  | BTW   | HNX   | 15/05/2026 | 18/05/2026 | 15/06/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,860 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 28  | TTD   | UPCoM | 18/05/2026 | 19/05/2026 | 28/05/2026     | Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,300 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 29  | CMS   | HNX   | 19/05/2026 | 20/05/2026 | 15/06/2026     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP     | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 30  | SSC   | HOSE  | 19/05/2026 | 20/05/2026 | 19/06/2026     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 31  | CID   | UPCoM | 19/05/2026 | 20/05/2026 | 12/6/2026      | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 32  | SIV   | UPCoM | 21/05/2026 | 22/05/2026 | 8/6/2026       | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 33  | SMB   | HOSE  | 26/05/2026 | 27/05/2026 | 11/6/2026      | Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |

(\*) Nhà đầu tư lưu ý: Để nhận được quyền chi trả cổ tức, mua cổ phiếu phát hành thêm,... nhà đầu tư cần nắm giữ tới hết phiên giao dịch liền trước của "ngày GDKHQ".



# CHÚC BẠN ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ!

Liên hệ với chúng tôi:



[www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)



[dvkh@haseco.vn](mailto:dvkh@haseco.vn)



TP.HCM: +84 2839 207 800



Hải Phòng: +84 2253 842 332



Hà Nội: +84 2435 747 020

Mở tài khoản tại:



## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này và toàn bộ các nhận định, đánh giá hoặc thông tin được đề cập trong nội dung chỉ mang tính chất cung cấp thông tin và không cấu thành, cũng như không được hiểu là lời mời chào, đề nghị hay khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ bất kỳ sản phẩm tài chính hay chứng khoán nào được đề cập. Các nội dung trong báo cáo không phản ánh quan điểm hay khuyến nghị tư vấn đầu tư chính thức của Haseco. Nhà đầu tư cần tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của mình, đồng thời chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn thông tin tham khảo. Haseco không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hay rủi ro nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo này cho mục đích đầu tư.